

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10- 2021
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Đồng
2. Ông Nguyễn Hữu Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Phạm Thị Tú T**, sinh năm 1998 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* **Huỳnh Quốc T**, sinh năm 1999 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp TP, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Tú T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn anh Huỳnh Quốc T thành hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/9/2019. Thời gian chung sống được 02 năm lúc đầu hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hiện chi và anh T không còn chung sống với nhau, thời gian ly thân không ai tạo điều kiện đoàn tụ. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 hiện nay con chung đang sống với anh T và Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 10/01/2020 hiện đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con Huỳnh Thiên Kim còn Huỳnh Quốc Bình chị giao cho anh T nuôi dưỡng. Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 10 năm 2021 trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Quốc T trình bày: Anh thống nhất về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, nợ chung và con chung như chị T trình bày. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị T anh đồng ý, về con chung vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 hiện nay con chung đang sống với anh và Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 10/01/2020 hiện đang sống chung với chị T. Nay anh thống nhất nuôi cháu Huỳnh Quốc Bình giao Huỳnh Thiên Kim cho chị T nuôi dưỡng. Anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Tú T về việc ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Quốc T, về con chung giao con chung Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 cho anh Huỳnh Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 10/01/2020 cho chị Phạm Thị Tú T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm buộc chị T nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trường hợp này là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo qui định tại khoản 7 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Tú T bị đơn anh Huỳnh Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị Tú T và bị đơn anh Huỳnh Quốc T thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TO trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nên nguyên và bị đơn đã ly thân khoảng 03 tháng nay, thời gian ly thân không ai tạo điều kiện đoàn tụ. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn cùng bị đơn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn đến tham gia phiên họp, hòa giải và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thống nhất theo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn cùng bị đơn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Tú T và anh Huỳnh Quốc T có 02 con chung tên Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 hiện nay con chung đang sống cùng anh T và Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 10/01/2020 hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Nay chị yêu cầu được nuôi con là Huỳnh Thiên Kim, giao Huỳnh Quốc Bình cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo lời trình bày của chị T và anh T từ khi chị và anh ly thân thì cháu Bình sống với anh T, còn cháu Kim sống với chị T, việc nuôi con của anh, chị cũng đảm bảo về điều kiện nuôi con, nên tiếp tục giao con chung Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 cho anh Huỳnh Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 10/01/2020 cho chị Phạm Thị Tú T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về cấp dưỡng nuôi con đây là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Tuy nhiên chị T, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị T, anh T có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Phạm Thị Tú T và anh Huỳnh Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[2.4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát như nhận định trên.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T nộp 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Tú T. Xử cho chị Phạm Thị Tú T được ly hôn với anh Huỳnh Quốc T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Quốc Bình, sinh ngày 08/12/2018 cho anh Huỳnh Quốc T nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Thiên Kim cho chị Phạm Thị Tú T nuôi dưỡng. Chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tú T và anh Huỳnh Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Tú T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016840 ngày 19 tháng 3 năm 2021, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T, anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện TO;
 - THADS huyện TO;
 - UBND xã TT, huyện TO
- (GCN kết hôn số 40/2019 ngày 10/9/2019);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Phú